

SỞ Y TẾ QUẢNG NAM
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC
MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 753/TB-BV

Đại Lộc, ngày 15 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá gói thầu mua sắm thiết bị y tế năm 2024
cho Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế năm 2024 cho Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

Địa chỉ: 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: **Trần Thị Nga**.

- Địa chỉ: 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

- Điện thoại: **0778.111696**.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ hoặc qua đường bưu điện: Phòng Vật tư, thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, số điện thoại: **0778.111696**.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 16 tháng 8 năm 2024 đến trước 09h00 ngày 28 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 08 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Hệ thống CT Scanner ≤ 64 lát cắt/vòng quay	Mô tả cụ thể tại phụ lục 1 đính kèm theo	01	HT
2	Máy siêu âm tổng quát		02	Cái
3	Máy siêu âm chuyên tim mạch		02	Cái
4	Máy siêu âm chuyên tim mạch (máy siêu âm xách tay)		01	Cái
5	Máy siêu âm doppler màu xách tay chuyên dùng cho gáy tê vùng		01	Cái
6	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày - đại tràng)		01	HT
7	Máy hấp tiệt trùng		01	Cái
8	Hệ thống chuyển đổi kỹ thuật số X-quang (DR)		01	HT

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế

Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam địa chỉ: 107 Quang Trung, Thị trấn Ái nghĩa, Đại Lộc, Quảng Nam.

Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: các nhà cung cấp nêu phương án đính kèm báo giá.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thỏa thuận khi thương thảo hợp đồng.

5. Các thông tin khác:

Báo giá phải thể hiện rõ giá trị thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, thiết bị.

Hồ sơ báo giá bao gồm:

- + Báo giá có đóng dấu hợp pháp của đơn vị
- + Bản mô tả cấu hình cơ bản và thông số kỹ thuật chi tiết của từng thiết bị phù hợp với yêu cầu
- + Catalog thiết bị phù hợp với yêu cầu
- + USB chứa các file liên quan đến báo giá (gồm file mềm và file scan)



Ghi chú:

+ Ghi chú: Báo giá gồm 03 bản gốc được niêm phong và phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ “*Thư chào giá gói thầu mua sắm thiết bị y tế năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam*”

+ Mẫu Báo giá được đính kèm theo phụ lục 2, các đơn vị gửi sai mẫu báo giá này được xem như không hợp lệ và không được xét duyệt.

Rất mong nhận được sự quan tâm của các đơn vị. /.

Nơi nhận:

- Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam;
- Lưu: VT, VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thống Nhất





Phụ lục 1

NỘI DUNG YÊU CẦU CẤU HÌNH THIẾT BỊ

(Đính kèm Thông báo số 193 /TB-BV ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính
01	HỆ THỐNG CT-SCANNER < 64 LÁT CẮT/VÒNG QUAY	01	HT
	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương cho hệ thống máy chính <ul style="list-style-type: none"> + Đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương - Xuất xứ máy chính: Thuộc các nước nhóm G7. - Nguồn điện sử dụng: 380VAC ± 10%; 50/60Hz - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa: ≥ 26⁰C + Độ ẩm tối đa: ≥ 60% - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ <p>II. YÊU CẦU CẤU HÌNH</p> <p>Hệ thống chụp cắt lớp vi tính ≥ 32 lát cắt/vòng quay kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 Hệ thống</p> <p>Hệ thống tối thiểu bao gồm:</p> <p>1. Máy chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoang máy: 01 bộ - Bóng X-quang: 01 bộ - Tủ cao thế: 01 bộ - Đầu thu nhận: 01 bộ - Bàn bệnh nhân: 01 bộ - Trạm điều khiển: 01 bộ - Hệ thống tái tạo ảnh: 01 bộ - Trạm làm việc kèm phần mềm cài đặt sẵn: 01 bộ - Bảng điều khiển riêng biệt hoặc gắn trên thân máy: 01 bộ - Hệ thống đàm thoại nội bộ 2 chiều: 01 bộ <p>2. Phần mềm cho hệ thống (trạm điều khiển): 01 bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm chụp ảnh CT - Phần mềm kiểm tra tái tạo và xem ảnh - Phần mềm hỗ trợ thăm khám - Phần mềm tái tạo và xử lý hình ảnh - Phần mềm theo dõi và giảm liều tia - Phần mềm lưu trữ và kết nối mạng 		

<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm in phim - ... 3. Phần mềm cho trạm làm việc: 01 bộ - Phần mềm đọc ảnh - Phần mềm xử lý ảnh - Phần mềm xử lý ảnh 3D, hiển thị 3D - Phần mềm cho ung bướu - Phần mềm xóa nền - Phần mềm nội soi ảo - Phần mềm phân tích khác - ... 4. Thiết bị phụ trợ kèm theo hệ thống: - Bơm tiêm thuốc cản quang loại ≥ 01 nòng: 01 Cái - Bộ lưu điện online ≥ 2KVA cho trạm điều khiển và trạm làm việc: ≥ 01 Bộ - Bộ phụ kiện định vị bệnh nhân: giá đỡ đầu, giá đỡ tay-chân, dây đai cố định bệnh nhân: 01 Bộ - Phantom cân chỉnh máy: 01 bộ - Áo chì: ≥ 01 Bộ - Kính chì $\geq 80 \times 100$cm: 01 Cái - Đèn cảnh báo phát tia: 01 Cái - Bàn đặt máy tính: 02 Cái - Máy hút âm: 01 Cái - Đèn đọc phim ≥ 04 cửa: 01 Cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt : 01 bộ III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT 1. Máy chính: 1.1 Khoang máy - Đường kính: ≥ 700 mm - Trường nhìn tối đa: ≥ 430 mm - Tốc độ vòng quay nhanh nhất: ≤ 0.8 giây - Có camera quan sát bệnh nhân (tích hợp trên khoang máy hoặc tách rời) - Có hướng dẫn bệnh nhân tự thở - Có đèn laser định vị trung tâm 1.2 Bóng X-quang - Dòng bóng (mA): Từ ≤ 13mA - ≥ 240 mA - Điện áp bóng (kV): Từ ≤ 80kV - ≥ 120 kV, tối thiểu ≥ 3 mức - Trữ nhiệt anode bóng: ≥ 3.5 MHU - Tốc độ tản nhiệt: ≥ 735 KHU/phút - Tiêu điểm: ≥ 2 tiêu điểm 1.3 Tủ cao thế - Công suất tối đa: ≥ 32 kW 1.4 Đầu thu nhận - Chất liệu: tinh thể rắn hoặc gốm sứ hoặc tương đương 		
---	--	--

- Số lượng lát cắt/vòng quay: ≥ 32 lát cắt/vòng quay
 - Số lượng dây đầu thu: ≥ 16 dây
 - Số phần tử đầu thu: ≥ 11.520 phần tử
- 1.5 Bàn bệnh nhân**
- Tải trọng: tối đa $\geq 205\text{kg}$
 - Điều khiển được nâng, hạ bàn, di chuyển dọc.
 - Chiều dài trường chụp: $\geq 1425\text{mm}$
 - Tốc độ di chuyển bàn tối đa (theo chiều dọc): $\geq 100\text{mm/giây}$
- 1.6 Trạm điều khiển**
- CPU Intel Xeon hoặc tương đương.
 - Bộ nhớ RAM: $\geq 16\text{ GB}$
 - Ổ cứng: dung lượng $\geq 480\text{ GB}$
 - Màn hình: Đáp ứng các tiêu chuẩn của chuẩn đoán hình ảnh.
 - + Kích thước: $\geq 19\text{ inch}$
 - + Độ phân giải: tối đa $\geq (1280 \times 1024)$ pixel
 - Có cổng để lưu trữ, truyền dữ liệu: USB hoặc DICOM
- 1.7 Hệ thống tái tạo hình ảnh**
- Có khả năng hiển thị hình ảnh theo thời gian thực trong lúc đang quét xoắn ốc
 - Có tính năng giảm nhiễu ảnh, giảm liều giúp cải thiện chất lượng hình ảnh
 - Độ dày lát cắt nhỏ nhất: $\leq 1\text{ mm}$
 - Trường nhìn tái tạo: $\geq 430\text{ mm}$
 - Ma trận tái tạo: $\geq 512 \times 512$
- 1.8 Bảng điều khiển**
- Riêng biệt hoặc gắn trên Gantry/thân máy.
 - Điều khiển bằng màn hình cảm ứng hoặc nút bấm trên khoang máy
- 1.9 Trạm làm việc**
- CPU: Intel Core i5 trở lên hoặc Xeon hoặc tương đương
 - RAM: $\geq 16\text{ GB}$
 - Card đồ họa NVIDIA/ Intel hoặc tương đương.
 - Hệ điều hành: Windows 10, có bản quyền
 - Ổ cứng SSD: $\geq 500\text{ GB}$
 - Màn hình hiển thị: Đáp ứng các tiêu chuẩn của chuẩn đoán hình ảnh.
 - + Màn hình: LCD/LED hoặc tương đương
 - + Kích thước $\geq 19\text{ inch}$
 - + Độ phân giải: tối đa $\geq (1920 \times 1080)$ pixel
- 2. Phần mềm cho trạm điều khiển**
- 2.1 Phần mềm chụp ảnh CT: Tối thiểu có**
- Nhập thông tin bệnh nhân:**
- Nhập thông tin bệnh nhân trực tiếp trên máy trạm trước khi chụp
 - Chuyển dữ liệu thông tin bệnh nhân từ HIS/RIS



Handwritten signature

Giao tiếp với bệnh nhân:

- Có chức năng thu âm
- Có văn bản hướng dẫn bệnh nhân tự động

Thu nhận hình định vị:

- Độ dài quét tối đa: ≥ 1425 mm
- Có khả năng thu nhận hình định vị theo thời gian thực
- Có khả năng ngưng quét khi đã thu hình được phần giải phẫu mong muốn

Chế độ chụp tuần tự:

- Bề dày lát cắt tái tạo nhỏ nhất: ≤ 1.5 mm
- Thời gian quét toàn phần nhanh nhất: ≤ 0.8 giây
- Có ghi hình khi bàn di chuyển hoặc không di chuyển

Chế độ chụp xoắn ốc:

- Bề dày lát cắt tái tạo nhỏ nhất: ≤ 1 mm
- Thời gian quét 360 độ nhanh nhất: ≤ 0.8 giây
- Thời gian quét xoắn ốc tối đa: ≤ 300 giây
- Trường quét tối đa/Khoảng chụp quét được: ≥ 1425 mm

Chương trình hỗ trợ thăm khám:

- Có khả năng xác định các vùng khảo sát và tính toán để cung cấp hình ảnh chụp, chiều của bệnh nhân cho việc lên kế hoạch trước với độ chính xác cao của vị trí lát cắt để tăng hiệu quả chuẩn đoán

2.2 Phần mềm tái tạo và xử lý hình ảnh

- Tạo ảnh hoặc chếch từ các giao thức chụp tiêu chuẩn
- Tái tạo đồng thời các hướng khác nhau hoặc hiển thị hình ảnh
- Có tính năng nội soi ảo
- Có tính năng điều chỉnh độ rộng của trường chụp.
- Có thể lựa chọn các Pitch
- Có khả năng hiển thị các chuỗi hình ảnh tự động hoặc bằng tay.

2.3 Phần mềm xem hình:

- Tùy chỉnh được giao diện người dùng
- Có khả năng tự động phân phối, in hình ảnh và kết quả
- Tùy chọn được độ rộng và trung tâm cửa sổ
- Cài đặt được một hoặc nhiều cửa sổ để hiển thị nhiều hình ảnh
- Cài đặt được cửa sổ cho từng cơ quan cụ thể
- Có tính năng thu phóng và di chuyển hình

Hiển thị 3D

- Tái tạo nhiều mặt cắt
- Thời gian thực theo nhiều hướng và có thể lựa chọn theo khu vực giải phẫu được kiểm tra.

Các công cụ đánh giá

- Có khả năng đánh giá đồng thời nhiều vùng quan tâm: hình

tròn, đa giác, hình tự do...

- Có khả năng thống kê đo đạc tối đa; tối thiểu; độ lệch chuẩn; giá trị trung bình.

- Đo lường khoảng cách và các góc

- ...

2.4 Phần mềm theo dõi và giảm liều tia

- Có chức năng hiển thị thông tin chiếu chụp, kiểm tra, tổng hợp báo cáo liều tia

- Có khả năng điều chỉnh dòng bóng để tối ưu chất lượng hình ảnh ở liều thấp nhất có thể và có khả năng kiểm soát được liều tia cho bệnh nhân

2.5 Lưu trữ và kết nối mạng :

- Xem hình và hiển thị thông tin, cho phép tạo và chỉnh sửa các tệp video.

- Hỗ trợ các định dạng đa phương tiện.

- Truyền hình ảnh và thông tin y tế bằng chuẩn DICOM: Lưu trữ, in phim, lấy dữ liệu, xem hình ...

2.6 In phim:

- In phim kỹ thuật số, kết nối được máy in phim kỹ thuật số

- Kết nối được máy in DICOM

- Có chế độ in tự động

- Có tương tác tấm phim ảo

- Có tùy chọn định dạng phim

- Có thể thực hiện in phim song song với các hoạt động khác

- Có khả năng tự do điều chỉnh vị trí của hình ảnh trên tấm phim

- Có các chế độ tinh chỉnh text

3. Phần mềm cho trạm làm việc hoặc xử lý hình ảnh

3.1 Phần mềm đọc ảnh. Có khả năng:

- Tùy chỉnh được giao diện người dùng

- Cài đặt được nhiều cửa sổ để hiển thị nhiều hình ảnh

- Có tính năng thu/phóng và dịch chuyển hình ảnh

- Có tính năng kết hợp

- ...

3.2 Phần mềm đánh giá. Có khả năng:

- Đánh giá đồng thời nhiều vùng quan tâm

- Đánh giá thống kê; đo khoảng cách; đo góc; đo trục tuyến; tùy chọn vị trí hệ tọa độ

- Chú thích và ghi nhãn hình ảnh- ...

3.3 Xử lý ảnh 3D, hiển thị 3D:

- Tái tạo đa mặt phẳng thời gian thực cho các chế độ xem phụ

- Tùy chỉnh độ dày lát cắt

- Cho phép hiển thị cấu trúc mạch máu.- ...

3.4 Phần mềm phân tích khác và phần mềm cho ung bướu:

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá tổn thương phổi - Có khả năng hiển thị các đường thở, ruột và các cấu trúc chứa đầy chất lỏng - Có tính năng đo thể tích và tỉ trọng của khối u - Có khả năng tái tạo có hướng dẫn về mặt giải phẫu cột sống hoặc có hướng dẫn định vị các cấu trúc giải phẫu cột sống - ... <p>3.5 Phần mềm xóa nền</p> <p>4. Bơm tiêm thuốc cản quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số nòng ≥ 01 - Nạp thuốc: tự động; bằng tay (thủ công) - Thể tích tiêm tối đa: $\geq 200\text{ml}$ - Tốc độ dòng chảy: từ $\leq 0.5 - \geq 10\text{ml/giây}$, bước điều chỉnh $\leq 0.1\text{ml/giây}$ - Số pha tối đa: ≥ 4 pha <p>5. Bộ lưu điện cho máy trạm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại online Công suất: $\geq 2\text{ kVA}$ <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt và hướng dẫn sử dụng tại bệnh viện - Bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị - Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng ≤ 48 giờ - Cam kết cung cấp vật tư, thiết bị những phần hay hư hỏng cần thay thế sửa chữa: ≥ 8 năm. - Cam kết bảo trì thiết bị trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/năm. 		
02	MÁY SIÊU ÂM TỔNG QUÁT	02	Cái
	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất năm 2024 trở về sau. - Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. - Đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: $220\text{VAC} \pm 10\%$; $50/60\text{Hz}$ - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa: $\geq 26^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ <p>II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 máy - Đầu dò Convex đa tần: 01 cái - Đầu dò Microconvex đa tần: 01 cái - Đầu dò Volume Convex đa tần: 01 cái - Đầu dò Linear đa tần: 01 cái <p>Phụ kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ lưu điện online $\geq 2\text{kVA}$: 01 bộ 		

- Bộ máy vi tính: 01 bộ

- Máy in phun màu: 01 bộ

III. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Máy chính

1.1 Ứng dụng thăm khám:

Thăm khám được tối thiểu các bộ phận sau: sản khoa, phụ khoa, ổ bụng, bộ phận nhỏ, tuyến vú, mạch máu, cơ xương khớp...

1.2 Thông số hệ thống

- Màn hình chính hiển thị hình ảnh siêu âm

+ Loại LCD hoặc cao cấp hơn, kích thước: ≥ 21.5 inches

+ Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixel

- Màn hình cảm ứng:

+ Kích thước: ≥ 10.1 inches LCD

- Số ổ cắm đầu dò đồng thời: ≥ 4 cổng

- Số kênh xử lý số hóa $\geq 2.810.292$ kênh

- Độ sâu ảnh hiển thị tối thiểu : ≥ 0.75 cm

- Độ sâu ảnh hiển thị tối đa : ≥ 40 cm

- Thang xám hiển thị: ≥ 256 mức.

- Tỷ lệ khung hình trên giây: ≥ 882 hình/giây.

- Dải động: ≥ 265 dB

- Ổ cứng lưu trữ: ≥ 500 GB

1.3 Các mode hoạt động tối thiểu

- B-mode (2D)

- M-mode

- Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao (PW)

- Mode Doppler dòng màu

- Mode Doppler năng lượng

- Mode Doppler năng lượng có độ nhạy cao

- Mode 3D/4D gồm hình 3D tĩnh, hình 4D thời gian thực

1.4 Kiểu hiển thị hình ảnh tối thiểu:

- Khả năng hiển thị đồng thời

- Hiển thị 3 chế độ đồng thời Triplex

- Hiển thị nhiều hình ảnh

- Hiển thị hình cắt lớp

Các phần mềm hỗ trợ tối ưu hóa và xử lý hình ảnh

- Phần mềm tối ưu hóa chất lượng hình ảnh tự động

- Phần mềm tự động tối ưu hóa gain

- Phần mềm tối ưu hóa tần số lặp xung (PRF) tự động

- Phần mềm kết hợp các chùm tia chéo góc làm tăng độ nét các đường bờ mô

- Phần mềm giảm nhiễu hạt, tăng cường độ mịn

- Phần mềm tạo ảnh hài hòa mô mã hóa

Các tính năng hỗ trợ bác sĩ sử dụng :

- Phóng đại hình siêu âm độ phân giải cao

- Chức năng mở rộng trường quan sát cho đầu dò Linear và Sector
- Chức năng hiển thị góc rộng trên đầu dò Convex và Phụ khoa
- Đo độ mờ da gáy bán tự động
- Đo nhịp tim thai tự động
- Siêu âm cắt lớp
- Phần mềm hỗ trợ siêu âm 3D/4D. Tự động uốn cong đường ROI thích hợp để dựng hình 3D/4D đẹp nhất
- Phần mềm tái tạo mặt cắt 2D vẽ tự do theo ý muốn trong hình ảnh dữ liệu khối 3D/4D
- Phần mềm siêu âm 3D/4D cho hình ảnh 3D/4D mịn, rõ nét. Có thể điều chỉnh nguồn sáng từ các góc khác nhau lên thai nhi
- Phần mềm siêu âm tim thai 4D cho phép tái tạo hình ảnh động đa lát cắt
- Phần mềm đánh giá các trường hợp lạc nội mạc tử cung sâu
- Phần mềm đánh giá khối u trong nội mạc tử cung
- Chương trình tính toán cân nặng thai nhi theo công thức tăng trưởng Intergrowth
- Kết nối với hệ thống lưu trữ và quản lý hình ảnh bệnh viện theo chuẩn Dicom

Chức năng đo đạc và phân tích: Tối thiểu có các chức năng và phép đo

- Các phép đo cơ bản
- Các phép đo trên M-mode
- Các phép đo trên Mode PW
- Gói tính toán chuyên ổ bụng
- Gói tính toán chuyên bộ phận nhỏ
- Gói tính toán chuyên tuyến vú
- Gói tính toán chuyên sản khoa
- Gói tính toán chuyên tim thai
- Gói tính toán chuyên mạch máu
- Gói tính toán chuyên phụ khoa

Thu nhận hình ảnh 4D theo thời gian thực

- Tùy chỉnh chất lượng hình ≥ 3 mức
- Tốc độ quét hình khối: ≥ 45 hình/giây

Thông số kỹ thuật B Mode

- Điều chỉnh tần số ≥ 3 bước
- Có thể điều chỉnh được độ mịn ≥ 5 mức
- Có thể điều chỉnh được độ phân giải: ≥ 8 mức
- Mật độ dòng: ≥ 3 mức
- Tăng nét: ≥ 6 bước
- Bản đồ xám : ≥ 10 mức

Thông số kỹ thuật M Mode

Handwritten signature

- Tốc độ quét: ≥ 6 bước

- Bản đồ xám: ≥ 4 mức

Thông số kỹ thuật Mode Doppler màu

- Di chuyển đường nền: ≥ 16 bước

- Lọc thành: ≥ 6 bước

- Lọc mịn: ≥ 5 bước

- Mật độ dòng: ≥ 8 bước

- Tốc độ tối đa: ≥ 4 m/s

- Tốc độ tối thiểu: ≤ 1 cm/s

Thông số kỹ thuật mode Doppler năng lượng

- Mã hóa màu năng lượng : ≥ 256 bước

- Lọc thành: ≥ 6 bước

- Có thể điều chỉnh Lọc mịn: ≥ 5 bước

- Bản đồ màu PD: ≥ 8 mã màu

Thông số kỹ thuật Mode Doppler xung (PW)

- Tần số lặp xung: từ ≤ 1 kHz đến ≥ 22 kHz

- Cửa sổ phổ: ≤ 0.7 mm đến ≥ 15 mm

- Bảng đồ màu : ≥ 10 mức

- Bảng đồ thang xám : ≥ 10 loại

Thông số kỹ thuật Mode Doppler năng lượng độ nhạy cao

- Mã hóa năng lượng : ≥ 256 bước màu

- Lọc thành: ≥ 4 bước

- Lọc mịn: ≥ 5 bước

- Tần số lặp xung: từ ≤ 100 Hz đến ≥ 19 kHz

- Bản đồ màu: ≥ 8 mã màu

Khả năng kết nối: Có tối thiểu các cổng kết nối:

- Có cổng HDMI

- Có cổng VGA hoặc DVI-D

- Có cổng USB

- Có cổng kết nối mạng Ethernet

2. Đầu dò

Đầu dò Convex đa tần số

- Ứng dụng tối thiểu: bụng tổng quát, sản khoa, phụ khoa

- Dải tần:

từ ≤ 2.5 MHz đến ≥ 7.0 MHz

- Trường nhìn: $\geq 90^\circ$

Đầu dò Microconvex đa tần số

- Ứng dụng tối thiểu: sản, phụ khoa qua ngã âm đạo, trực tràng

- Dải tần: từ ≤ 2.9 MHz đến ≥ 9.7 MHz

- Trường nhìn: $\geq 180^\circ$

Đầu dò Volume Convex đa tần số

- Ứng dụng tối thiểu: Ổ bụng, sản khoa, phụ khoa, nhi khoa

- Dải tần: từ ≤ 2.0 MHz đến ≥ 8.0 MHz

- Trường nhìn tối đa: $\geq 90^\circ$

QUANG
MINH

Handwritten signature

	<p>Đầu dò Linear</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng tối thiểu: mạch máu, bộ phận nhỏ - Dải tần: từ ≤ 5.0 MHz đến ≥ 12.0 MHz. - Trường nhìn: ≥ 38.4 mm <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành là tối thiểu 12 tháng - Đảm bảo linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo ≥ 8 năm sau bảo hành. - Có cam kết Hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật. - Cung cấp đầy đủ giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) và các giấy tờ liên quan khác mang tính chất pháp lý của thiết bị khi bàn giao hàng hóa. - Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng ≤ 48 giờ - Cam kết bảo trì thiết bị trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/năm. 		
03	MÁY SIÊU ÂM CHUYÊN TIM MẠCH	02	Cái
	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. - Đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220 VAC $\pm 10\%$; 50/60Hz - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa: $\geq 35^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ <p>II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH CUNG CẤP</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống máy chính: 01 máy 2. Đầu dò: <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò convex đa tần số: 01 cái - Đầu dò linear đa tần số: 01 cái - Đầu dò đa tần số chuyên tim người lớn: 01 cái - Đầu dò đa tần số chuyên tim nhi: 01 cái 3. Bộ phần mềm bản quyền kèm máy: 01 bộ 4. Phụ kiện: <ul style="list-style-type: none"> - Cáp điện tim ECG và mô đun sinh lý: 01 bộ - Máy vi tính + Phần mềm trả kết quả siêu âm tiếng Việt: 01 bộ - Máy in phun màu: 01 cái - Bộ lưu điện UPS $\geq 2\text{kVA}$ online: 01 bộ - Máy in nhiệt màu: 01 cái <p>III. YÊU CẦU KỸ THUẬT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Máy chính 		

- Số kênh xử lý số hóa: $\geq 3.670.016$ kênh
- Dải động hệ thống: ≥ 280 dB
- Mức thang xám: ≥ 256 mức
- Có ≥ 4 cổng kết nối đầu dò
- Lựa chọn cổng đầu dò điện tử
- Dung lượng ổ cứng: ≥ 500 GB
- Tốc độ khung hình tối đa: ≥ 882 khung hình/giây

Màn hình:

- Màn hình phẳng, phân giải cao LCD hoặc tương đương
- Độ lớn màn hình phân giải cao: ≥ 21 inch
- Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixels

Màn hình điều khiển cảm ứng:

- Kích thước: ≥ 10 inch

Các chế độ hoạt động và hiển thị:

Thông số kỹ thuật cho B-Mode

- Có sẵn trên mọi đầu dò
- Có thể lựa chọn mức tần số
- Tốc độ khung hình 2D: ≥ 1900 hình/giây
- Điều chỉnh được thời gian thực và dừng hình
- Bản đồ thang xám: ≥ 9 mức

- ...

Thông số kỹ thuật cho M-Mode

- Hiển thị được đồng thời cả M-mode và 2D
- Có thể lựa chọn tốc độ quét
- Có chức năng M-mode giải phẫu màu
- Hiển thị theo định dạng: trên/dưới, trái/phải

...

Thông số kỹ thuật cho Doppler Phổ

- Có thể lựa chọn tốc độ quét
- Tần số lặp xung PRF tối đa ≥ 22 kHz (tùy thuộc vào đầu dò)
- Kích thước lấy mẫu: ≤ 1.0 mm đến ≥ 20 mm
- Có chức năng tự động tối ưu hóa trên Doppler phổ

- ...

Thông số kỹ thuật Doppler màu

- Có bản đồ màu
- Có thể tối ưu hóa trạng thái dòng màu
- Có thể lái tia trên đầu dò
- Có thể đảo màu
- Lọc thành: ≥ 4 bước

- ...

Thông số kỹ thuật Doppler năng lượng

- Lọc thành: ≥ 4 bước
- Lọc mịn: ≥ 4 bước
- Bản đồ màu: ≥ 8 loại
- Tần số lặp lại xung tối đa: ≥ 19.8 kHz (tùy vào đầu dò)



Handwritten signature

- ...

Các phép đo và phân tích ứng dụng thăm khám :

Yêu cầu về mục đích sử dụng:

- Ứng dụng cho : Siêu âm tổng quát, Bụng, Mạch máu , tim , sản, Cơ-Xương-Khớp, nhi ...
- Có tối thiểu các phép đo và phân tích cơ bản trong siêu âm.

Khả năng kết nối :

- Cổng HDMI hoặc tương đương
- Có cổng kết nối mạng Ethernet
- Có cổng USB

2. Đầu dò

2.1 Đầu dò Convex:

- Dải tần số: ≤ 1.4 MHz - ≥ 5.0 MHz
- Số chân tử: ≥ 128
- Trường nhìn: $\geq 70^\circ$

2.2 Đầu dò Linear:

- Dải tần số: ≤ 4.0 MHz - ≥ 11.5 MHz
- Số lượng chân tử: ≥ 160

2.3 Đầu dò Sector chuyên tim người lớn:

- Dải tần số: ≤ 1.1 MHz - ≥ 5.0 MHz
- Số chân tử: ≥ 64
- Trường nhìn: $\geq 90^\circ$

2.4 Đầu dò Sector chuyên tim nhi:

- Dải tần số: ≤ 4 MHz - ≥ 8 MHz.
- Số chân tử: ≥ 64
- Trường nhìn: $\geq 90^\circ$

3. Bộ phần mềm bản quyền kèm máy:

3.1 Đáp ứng được các lĩnh vực thăm khám cơ bản :

- Tim người lớn
- Bụng tổng quát
- Sản khoa, Phụ khoa, Nhi
- Mạch máu
- Cơ xương khớp

- ...

3.2 Các tính năng cơ bản và siêu âm chuyên sâu:

- Phần mềm tối ưu hóa hình ảnh tự động
- Phần mềm giảm nhiễu và tăng cường độ mịn
- Phần mềm siêu âm Doppler liên tục, Doppler mô
- Phần mềm siêu âm 3D/4D
- Có hỗ trợ chế độ chùm tia đa hướng để giảm nhiễu và tăng cường chất lượng hình ảnh.
- Có tính năng phóng đại hình siêu âm độ phân giải cao
- Kết nối DIMCOM

3.3 Các phần mềm siêu âm tim nâng cao:

- ...

Handwritten signature

	<p>4. Các phụ kiện khác</p> <p>4.1 Máy in nhiệt màu: 01 cái</p> <p>4.2 Bộ máy tính kèm phần mềm trả kết quả siêu âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ vi xử lý: Intel hoặc tương đương - Dung lượng bộ nhớ RAM: $\geq 8\text{GB}$ - Ổ cứng: $\geq 500\text{GB}$ - Màn hình màu LCD $\geq 17''$: 01 cái - Bàn phím và Chuột <p>4.3 Máy in màu trả kết quả: 01 bộ</p> <p>4.4 Dây điện tim ECG: 01 bộ</p> <p>4.5 Bộ lưu điện UPS $\geq 2\text{kVA}$ online:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện thế AC đầu vào: 200-240VAC - Khoảng tần số đầu vào: 50/60Hz <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt và hướng dẫn sử dụng tại bệnh viện - Bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị - Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng ≤ 48 giờ - Cam kết cung cấp vật tư, thiết bị những phần hay hư hỏng cần thay thế sửa chữa: ≥ 8 năm. - Cam kết bảo trì thiết bị trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/năm. 		
04	<p>MÁY SIÊU ÂM CHUYÊN TIM MẠCH (SIÊU ÂM XÁCH TAY)</p>	01	Cái
	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: Năm 2024 trở đi - Chất lượng: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. - Đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ - Nguồn điện sử dụng: 220 VAC $\pm 10\%$; 50/60Hz <p>II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Máy siêu âm Doppler màu loại xách tay: 01 máy 2. Đầu dò: <ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò Convex đa tần số: 01 Cái - Đầu dò Tim đa tần số: 01 Cái - Đầu dò Linear đa tần số: 01 Cái 3. Phần mềm thăm khám và hệ điều hành có bản quyền trọn đời máy: 01 bộ 4. Phụ kiện kèm theo, tối thiểu gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Adapter kết nối đồng thời ≥ 03 đầu dò: 01 bộ - Pin sạc tích hợp bên trong máy: 01 Cái - Xe đẩy đồng bộ chính hãng: 01 cái 		



Handwritten signature

- Máy in nhiệt màu kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ

III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT

1. Máy chính

1.1 Có tối thiểu các thông số sau :

- Được thiết kế dạng xách tay, gọn nhẹ
- Có thể gấp gọn
- Máy chính có thể nâng cấp thêm xe đẩy đồng bộ chính hãng đặt máy chính, có khả năng kết nối ≥ 3 đầu dò
- Số kênh xử lý: ≥ 223.907 kênh
- Dải động ≥ 170 dB
- Ổ cứng lưu trữ dữ liệu dung lượng ≥ 160 GB
- Tỷ lệ khung hình trên giấy tối đa : ≥ 755 khung hình/giây
- Pin dự trữ loại lithium hoặc Lion .
- Màn hình:
- + Màn hình LCD hoặc tương đương, kích thước: ≥ 15 inches
- + Độ phân giải: $\geq 1280 \times 800$ pixels

1.2 Giao diện điều khiển

- Phím mềm tùy chỉnh các chức năng
- Bàn phím chữ dạng QWERTY.
- Có các phím để truy cập ứng dụng thăm khám, truy cập hình ảnh

1.3 Các chế độ hoạt động và hiển thị

Chế độ hoạt động

- Có các chế độ hoạt động tối thiểu của máy siêu âm : B-mode, M-mode, Doppler phổ, Doppler màu ,Doppler năng lượng ...

Chế độ hiển thị :

- Có khả năng hiển thị đồng thời giữa các chế độ

1.4 Thông số kỹ thuật của các Mode:

- Các Mode phải đáp ứng được yêu cầu thăm khám

1.5 Các chức năng đo và phân tích :

Yêu cầu về mục đích sử dụng:

- Ứng dụng cho : Siêu âm tổng quát, bụng, mạch máu , tim , sản, cơ- xương- khớp, nhi ...
- Có tối thiểu các phép đo và phân tích cơ bản trong siêu âm.

1.6 Quản lý và truy xuất dữ liệu

- Xuất dữ liệu qua USB
- Hỗ trợ định dạng ảnh: MPEG-4 hoặc JPEG hoặc BMP hoặc tương đương
- Xuất ảnh DICOM: in ấn, lưu trữ.

2. Đầu dò

2.1 Đầu dò Tim đa tần số

- Tần số làm việc : ≤ 1.7 MHz đến ≥ 4.0 MHz
- Trường nhìn ≥ 90 độ

	<ul style="list-style-type: none"> - Số chân tử ≥ 64 - Ứng dụng siêu âm tim mạch... 2.2 Đầu dò Linear đa tần số - Tần số làm việc: ≤ 4.2 MHz đến ≥ 12 MHz - Chiều dài bề mặt quét ≥ 38 mm - Số chân tử ≥ 128 - Ứng dụng siêu âm mạch máu, tuyến vú, mô mềm, phần nông, cơ xương khớp, thần kinh ... 2.3 Đầu dò Convex đa tần số - Tần số làm việc: ≤ 2.0 MHz đến ≥ 5.0 MHz - Trường nhìn tối đa ≥ 57 độ - Số chân tử: ≥ 128 - Ứng dụng siêu âm ổ bụng, tổng quát.... 3. Bộ phần mềm cài đặt theo máy - Phần mềm tối ưu hóa hình ảnh tự động - Có hỗ trợ chế độ chùm tia đa hướng để giảm nhiễu và tăng cường chất lượng hình ảnh. - Có tính năng phóng đại hình siêu âm độ phân giải cao - Phần mềm giảm nhiễu và tăng cường độ mịn - Phần mềm đo đạc và tính toán - Có phần mềm /chức năng mở rộng vùng quét - Phần mềm kết nối DICOM - ... 4. Phụ kiện kèm theo 4.1 Xe đẩy đồng bộ chính hãng Có ≥ 4 bánh xe, bánh xe có khóa Có giá đỡ đầu dò Có vị trí giá để máy in ảnh siêu âm 4.2 Máy in nhiệt màu kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái IV. YÊU CẦU KHÁC - Lắp đặt và hướng dẫn sử dụng tại bệnh viện - Bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị - Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng ≤ 48 giờ - Cam kết cung cấp vật tư, thiết bị những phần hay hư hỏng cần thay thế sửa chữa: ≥ 8 năm. - Cam kết bảo trì thiết bị trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/năm. 		
05	MÁY SIÊU ÂM DOPPLER MÀU XÁCH TAY CHUYÊN DÙNG CHO GÂY TÊ VÙNG	01	Cái
	I. YÊU CẦU CHUNG. <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2024 trở đi - Chất lượng: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. - Đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương 		



Handwritten signature

- Nguồn điện sử dụng: 220V AC \pm 10%; 50/60Hz

- Môi trường hoạt động:

+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$

II. CẤU HÌNH CUNG CẤP

- Máy chính và màn hình gắn liền máy

- Đầu dò Convex thăm khám ổ bụng tổng quát

- Đầu dò Linear thăm khám mạch máu, phần nông

Thiết bị phụ trợ:

- Xe đẩy chính hãng: 01 cái

- Máy in nhiệt đen trắng: 01 cái

- Tài liệu HDSD tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ

III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT

1. Máy chính:

- Máy chính có thể nâng cấp thêm xe đẩy đồng bộ chính hãng đặt máy chính, có khả năng kết nối ≥ 3 đầu dò

- Có tích hợp giá đỡ đầu dò

- Máy có giá đỡ gấp gọn giúp đặt máy trên bàn

- Có pin dự phòng

- Có các cổng kết nối: USB 3.0 hoặc tốt hơn

- Tích hợp sẵn module wifi hoặc tương đương cho kết nối internet không dây

- Có bộ nhớ CINE

Màn hình

- Màn hình màu, kích thước ≥ 12 inches

Các Mode hoạt động, tối thiểu có

- B-Mode

- M-Mode

- Mode dòng màu

- Mode Doppler năng lượng

- Mode Doppler liên tục

- Mode Doppler mô

Có tối thiểu các tính năng tiêu chuẩn sau:

- DICOM 3.0

- Tự động tối ưu hóa hình ảnh

- Chùm tia đa hướng

- Lọc nhiễu

- Xử lý dữ liệu thô hoặc tương đương

- Tự động đo tính Doppler

- Định dạng lưu trữ JPEG, DICOM hoặc nhiều hơn

- Có tính năng làm sáng đường kim có thể chỉnh thông số độc lập mà không ảnh hưởng đến thông số của hình ảnh siêu âm

- Có chức năng lọc nhiễu

- Có chức năng tăng cường đường bờ

- Có chức năng cải thiện mật độ dòng

Handwritten signature

	<ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng điều chỉnh tốc độ khung hình - Dải động có thể điều chỉnh được - Độ sâu có thể điều chỉnh được <p>Có thông số Mode dòng màu tối thiểu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng cải thiện mật độ dòng - Có chức năng điều chỉnh tốc độ khung hình - Có chức năng điều chỉnh Gain màu - Có nhiều loại bản đồ màu <p>Có thông số mode Doppler năng lượng tối thiểu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng cải thiện mật độ dòng - Có chức năng điều chỉnh tốc độ khung hình - Có chức năng điều chỉnh Gain màu - Lọc thành: ≥ 3 mức <p>2. Đầu dò</p> <p>2.1 Đầu dò thẳng đa tần số có thông số tối thiểu sau: Tần số: từ ≤ 6 MHz đến ≥ 12 MHz</p> <p>2.2 Đầu dò cong đa tần số có thông số tối thiểu sau: Tần số: từ ≤ 2 MHz đến ≥ 5 MHz.</p> <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt và hướng dẫn sử dụng tại bệnh viện - Bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị - Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng ≤ 48 giờ - Cam kết cung cấp vật tư, thiết bị những phần hay hư hỏng cần thay thế sửa chữa: ≥ 8 năm. - Cam kết bảo trì thiết bị trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/năm. 		
06	HỆ THỐNG NỘI SOI TIÊU HÓA (DẠ DÀY - ĐẠI TRÀNG)	01	HT
	<p>I. YÊU CẦU CHUNG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2024 trở về sau. - Tình trạng thiết bị: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương. - Nguồn điện sử dụng: 220VAC $\pm 10\%$, 50/60Hz - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa: $\geq 40^\circ\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ <p>II. CẤU HÌNH THIẾT BỊ GỒM:</p> <p>1. Bộ xử lý hình ảnh và nguồn sáng : 01 bộ Bao gồm bộ xử lý hình ảnh nội soi tích hợp hoặc độc lập với nguồn sáng</p> <p><i>Phụ kiện kèm theo, tối thiểu có bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn phím điều khiển: 01 cái 		

- Bình nước: 01 cái
- Cáp nối tín hiệu: 01 cái
- Bộ nhớ di động (USB) : 01 bộ
- Nắp đậy cổng kết nối: 01 cái

2. Ống soi dạ dày: 01 ống

Phụ kiện kèm theo, tối thiểu có bao gồm:

- Kèm sinh thiết: 01 cái
- Chổi rửa ngắn: 01 cái
- Chổi rửa dài: 01 cái
- Ngáng miệng: 01 cái
- Van hút: 01 cái

...

3. Ống soi đại tràng : 01 ống

Phụ kiện kèm theo, tối thiểu có bao gồm:

- Kèm sinh thiết: 01 cái
- Chổi rửa ngắn: 01 cái
- Chổi rửa dài: 01 cái
- Ngáng miệng: 01 cái
- Van hút: 01 cái

...

4. Màn hình y tế LCD cho nội soi ≥ 21 inch : 01 cái

5. Bộ kiểm tra rò rỉ: 01 bộ

6. Máy hút dịch chuyên dụng: 01 cái

7. Hệ thống máy vi tính, máy in trả kết quả bệnh nhân: 01 bộ

- Kèm theo phần mềm trả kết quả: 01 bộ

8. Xe đẩy chuyên dụng cho hệ thống nội soi : 01 cái

III. CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT YÊU CẦU

1. Bộ xử lý hình ảnh và nguồn sáng :

- Bao gồm bộ xử lý hình ảnh nội soi tích hợp hoặc độc lập với nguồn sáng
- Có khả năng chiếu sáng với các bước sóng, cho phép quan sát sự khác biệt các mao mạch và cấu trúc lớp niêm mạc hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.
- Bóng đèn chính: Đèn LED /Xenon hoặc tương đương
- Tương thích với ống soi có chức năng quan sát khoảng 2mm
- Tương thích với bộ nhớ di động USB để lưu trữ dữ liệu.
- Có tính năng điều chỉnh ánh sáng tự động.
- Độ tương phản: ≥ 3 chế độ
- Có chức năng giảm nhiễu
- Chế độ hiệu chỉnh ánh sáng tự động: ≥ 2 chế độ
- Có các bước tăng cường góc cạnh để tăng độ sắc nét của hình ảnh nội soi.
- Có chức năng zoom điện tử

Handwritten signature

- Điều khiển từ xa: các thiết bị phụ trợ có thể kết nối điều khiển được: Đầu ghi – Máy in – Hệ thống lưu trữ ảnh ...

- Cài đặt chế độ cho nhiều người sử dụng máy.

2. Ống nội soi dạ dày video: phụ kiện kèm theo đầy đủ

- Cung cấp hình ảnh độ phân giải cao

- Tương thích với bộ xử lý nguồn sáng LED / XENON

- Có khả năng chiếu sáng với các bước sóng, cho phép quan sát sự khác biệt các mao mạch và cấu trúc lớp niêm mạc hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.

- Có hỗ trợ chức năng dừng hình

- Sử dụng chip thu hình CCD hoặc cao cấp hơn

- Trường nhìn $\geq 140^\circ$

- Hướng quan sát: 0° (hướng nhìn thẳng)

- Độ sâu của trường nhìn: từ ≤ 3 mm đến ≥ 100 mm

- Đường kính ngoài đầu cuối ống soi ≤ 9.2 mm

- Đường kính bên trong kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm

- Đầu cuối ống soi ≥ 5 thành phần: tối thiểu 1 kênh khí/ nước, 2 đường dẫn sáng, 1 thấu kính, 1 đầu ra kênh dụng cụ

- Độ uốn cong của đầu ống soi: Lên $\geq 210^\circ$; xuống $\geq 90^\circ$; phải $\geq 100^\circ$; trái $\geq 100^\circ$

- Chiều dài làm việc ≥ 1030 mm

- Chiều dài tổng ≥ 1350 mm

3. Ống nội soi đại tràng video: phụ kiện kèm theo đầy đủ

- Cung cấp hình ảnh độ phân giải cao

- Có khả năng chiếu sáng với các bước sóng, cho phép quan sát sự khác biệt các mao mạch và cấu trúc lớp niêm mạc hỗ trợ trong việc chẩn đoán ung thư ở giai đoạn sớm.

- Ống soi có khả năng chống thấm nước khi ngâm rửa

- Độ cứng của ống soi được thiết kế phù hợp với nội soi đại tràng.

- Có kênh nước phụ

- Sử dụng chip thu hình CCD hoặc cao cấp hơn

- Trường nhìn $\geq 170^\circ$

- Hướng quan sát: 0° (hướng nhìn thẳng)

- Độ sâu của trường nhìn: từ ≤ 2 mm đến ≥ 100 mm

- Đường kính ngoài đầu cuối ống soi ≤ 13.2 mm

- Đường kính bên trong kênh dụng cụ ≥ 3.7 mm

- Đầu cuối ống soi ≥ 6 thành phần: tối thiểu 1 kênh khí/ nước, 2 đường dẫn sáng, 1 thấu kính, 1 đầu ra kênh dụng cụ, kênh nước phụ

- Độ uốn cong của đầu ống soi: Lên $\geq 180^\circ$; xuống $\geq 180^\circ$; phải $\geq 160^\circ$; trái $\geq 160^\circ$

- Chiều dài làm việc ≥ 1330 mm

- Chiều dài tổng ≥ 1650 mm

4. Màn hình y tế chuyên dụng:

kel

	<ul style="list-style-type: none"> - Loại: Màn hình LCD hoặc tương đương - Kích thước: ≥ 21 inches - Độ phân giải cao <p>5. Bộ kiểm tra rò rỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các thông số tương thích theo thiết bị <p>6. Máy hút dịch: gồm đầy đủ phụ kiện kèm theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống hút dịch có thể tiệt trùng được - Bình chứa dịch có thể tiệt trùng được với van chống tràn. - Có điều chỉnh áp lực chân không - Dung tích bình chứa: ≥ 5 lít - Chu kỳ thời gian làm việc: Hoạt động liên tục, không ngừng <p>7. Xe đẩy chuyên dụng cho hệ thống nội soi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt trên bánh xe có khóa hãm - Có giá treo cho ống soi. - Khay đựng bàn phím trượt được - Khung bằng sắt sơn tĩnh điện hoặc tương đương <p>8. Hệ thống máy vi tính - máy in phun màu - Phần mềm in trả kết quả bệnh nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống máy vi tính: <ul style="list-style-type: none"> + CPU core i5 hoặc cao hơn + Bộ nhớ 8Gb hoặc cao hơn + Ổ cứng ≥ 500Gb + Màn hình LCD ≥ 19 inch - Máy in phun màu: <ul style="list-style-type: none"> + Cỡ giấy: A4 hoặc tương đương + Tốc độ in: đáp ứng nhu cầu chuyên môn - Phần mềm in trả kết quả cài đặt trên máy đảm bảo các thông số theo yêu cầu của chuyên môn. <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giao hàng: ≤ 120 ngày - Lắp đặt và hướng dẫn sử dụng tại bệnh viện - Bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị - Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng ≤ 48 giờ - Cam kết cung cấp vật tư, thiết bị những phần hay hư hỏng cần thay thế sửa chữa: ≥ 8 năm. - Cam kết bảo trì thiết bị trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/năm. 		
07	MÁY HẤP TIỆT TRÙNG	01	Cái
	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2024 trở về sau, mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng quốc tế về thiết bị y tế: ISO 13485 và CE (93/42/EEC) hoặc tương đương - Tiêu chuẩn an toàn đối với thiết bị chịu áp lực: USA ASME của Hiệp hội Kỹ sư Hoa Kỳ, EU PED (2014/68/EU) hoặc 		

tương đương

- Tiêu chuẩn kỹ thuật máy tiệt khuẩn hơi nước EN285 hoặc tương đương
- Nguồn điện: 380VAC \pm 10%; 50/60Hz, phù hợp điện áp tại Việt Nam
- Điều kiện hoạt động của thiết bị:
 - + Nhiệt độ môi trường: $\leq 5^{\circ}\text{C}$ - $\geq 40^{\circ}\text{C}$
 - + Độ ẩm tối đa $\geq 85\%$
- Thiết bị có xuất xứ hoặc được cấp phép lưu hành tự do CFS tại nhóm nước G7

II. CẤU HÌNH THIẾT BỊ:

- Máy chính: 01 máy

Bộ phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:

- Bộ tạo hơi nước tích hợp trong máy: 01 cái
- Bơm chân không tích hợp trong máy: 01 cái
- Máy in nhiệt tích hợp trong máy: 01 cái
- Máy ủ và đọc chỉ thị sinh học: 01 cái
- Khung để đồ có bánh trong buồng tiệt khuẩn SUS304 (nhập khẩu chính hãng): 01 cái
- Xe đẩy đồ SUS304 (nhập khẩu chính hãng): 02 cái
- Chỉ thị sinh học cho kết quả trong ≤ 20 phút: ≥ 50 ống
- Chỉ thị hoá học đa thông số: ≥ 200 tests
- Bộ phụ kiện lắp đặt và chạy thử thiết bị khi lắp đặt, bàn giao: 01 bộ
- Hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + Tiếng Việt) : 01 bộ

III. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Thông số chung

Máy tiệt trùng hơi nước ở nhiệt độ cao và áp suất cao, có hút chân không

Được thiết kế và sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn:

- Hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001, ISO 13485
- Chuẩn CE thiết bị y tế: 93/42/EEC
- Tiêu chuẩn máy tiệt khuẩn: EN285
- Chuẩn thiết bị điện EMC EN61326-1:2013
- Chuẩn an toàn thiết bị áp suất: PED Châu Âu 2014/68/EU và USA ASME của Hiệp hội Kỹ sư Hoa Kỳ
- Chuẩn an toàn thiết bị điện: IEC 61010-1:2010 +AMD1:2016
- Hệ thống quản lý môi trường: ISO 14001

2. Thông số kỹ thuật chung

- Nhiệt độ thiết kế: 144°C
- Nhiệt độ làm việc tối đa: 139°C
- Áp suất làm việc: $-0.1/0.25$ MPa
- Áp suất mở van an toàn: 0.28 MPa
- Áp suất thiết kế: Buồng hấp: $-0.1/0.3$ MPa, Vỏ buồng hấp:

TỈNH
BỆNH
ĐA K
HU VỰC
PHI
QUẢ
OS

Handwritten signature

0.3 MPa

3. Buồng tiết trùng:

- Dung tích: ≥ 600 lít
- Kích thước buồng (WxHxL/mm): Đáp ứng nồi hấp có dung tích: ≥ 600 lít
- Dung tích buồng theo đơn vị tiết khuẩn STU: ≥ 8 STU
- Buồng tiết trùng, vỏ buồng hấp, vỏ máy, cửa, đường ống và bộ tạo hơi nước được làm bằng thép không gỉ 316L hoặc tốt hơn
- Độ dày tấm thép buồng tiết trùng ≥ 6 mm, độ dày tấm thép vỏ buồng ≥ 5 mm
- Buồng tiết trùng hình chữ nhật, cách nhiệt bằng bông khoáng ≥ 30 mm

4. Cửa

- Số cửa: 02 cửa, cửa trượt tự động, đóng mở thông qua màn hình cảm ứng
- Cửa chất liệu thép không gỉ 316L, độ dày ≥ 6 mm
- Cách nhiệt cửa bằng bông thủy tinh, độ dày ≥ 30 mm
- Có công tắc an toàn ngăn kẹt cửa, an toàn cho nhân viên và dụng cụ
- Gioăng cửa bằng silicon
- Có thiết bị khóa liên động an toàn, khi 1 cửa đang ở trạng thái mở, cửa còn lại không thể mở
- Không thể mở cửa khi bên trong buồng có áp suất dương hoặc âm

5. Bộ tạo hơi nước tích hợp trong máy:

- Dung tích bộ tạo hơi: ≥ 50 L
- Công suất tạo hơi: ≥ 60 kW
- Chất liệu: thép không gỉ 316L, độ dày tấm thép ≥ 10 mm
- Số thanh gia nhiệt: 6 thanh, làm việc độc lập, thuận tiện cho việc sửa chữa và thay thế
- Cách nhiệt bằng bông khoáng, độ dày ≥ 20 mm
- Có hệ thống thu hồi nước, ngưng tụ hơi nước
- Tiêu thụ nước: ≤ 32 L / chu trình

6. Bơm chân không tích hợp trong máy:

- Bơm chân không công nghệ ≥ 1 vòng nước
- Công suất: ≥ 2 kW
- Có bể nước tích hợp trong máy sử dụng cho bơm chân không
- Độ ồn thấp: ≤ 85 dB

7. Hệ thống an toàn:

- Hệ thống bảo vệ quá áp, bảo vệ mực nước thấp, hệ thống chuông ngại vật cửa, bảo vệ quá tải và hệ thống báo động, hệ thống khóa cửa, cửa không thể mở trong trường hợp có áp suất.

8. Hệ thống điều khiển:

Handwritten signature

- Hệ thống điều khiển PLC, kết nối RS232, RS-485, hỗ trợ kết nối với hệ thống truy xuất dữ liệu CSSD.
- Hỗ trợ kết nối Ethernet công nghiệp, vận hành và bảo trì từ xa qua Internet, hỗ trợ TCP/IP, MODBUS_TCP, MODBUS_ASCII/RTU
- Quản lý người dùng: ≥ 5 cấp độ cho người vận hành, kỹ thuật viên, kỹ sư, quản trị viên, nhà sản xuất
- Màn hình cảm ứng màu, kích thước ≥ 8 inch, hiển thị áp suất buồng, nhiệt độ, số chu trình, số lô, thời gian và ngày tháng, cảnh báo, chỉ báo mực nước thấp.
- Độ phân giải: Độ phân giải $\geq 800 \times 600$.
- Tích hợp máy in nhiệt
- Cảm biến nhiệt độ: ≥ 3 cái (buồng và vỏ buồng hấp)
- Cảm biến áp suất: ≥ 2 cái (buồng hấp và bộ tạo hơi)
- Có 2 nút dừng khẩn cấp ở 2 mặt máy
- Có 2 đồng hồ áp suất ở 2 mặt máy
- Bộ tạo hơi nước tự động làm đầy bằng máy bơm và gia nhiệt khi bật nguồn
- Được trang bị lọc vô khuẩn kích thước $0.2\mu\text{m}$, hiệu suất $\geq 99,97\%$.

9. Chương trình:

- Có ≥ 30 chu trình cài đặt sẵn, các giai đoạn của chu trình có thể thay đổi cài đặt theo yêu cầu
- Các chương trình chính: Đồ vải, Dụng cụ, Nhiệt (tiệt khuẩn 121°C cho các dụng cụ không chịu được nhiệt độ 134°C), Nhanh, Chính hình, PRIONS, Dụng cụ lòng ống, Tải nặng, Tải nhỏ, Chất lỏng, Trọng lực...
- Khối lượng đóng gói dụng cụ tối đa có thể tiệt trùng: đáp ứng yêu cầu đơn vị
- Tương thích các phương pháp đóng gói: hộp hấp, giấy gói y tế dùng một lần, túi tiệt trùng, vải dệt, vải không dệt, v.v.
- Chu trình tiêu chuẩn: ≤ 55 phút.
- Nhiệt độ tiệt trùng Chu trình tiêu chuẩn: 121°C và 134°C .
- Phạm vi cài đặt nhiệt độ tiệt trùng: Có thể cài đặt $\leq 115 \sim \geq 139^\circ\text{C}$.
- Khoảng cài đặt thời gian tiệt trùng: 0 - 9999 giây.
- Khoảng cài đặt thời gian sấy: 0 - 9999 giây.

10. Máy ủ và đọc chỉ thị sinh học tự động

- Sử dụng để ủ và đọc chỉ thị sinh học cho ≥ 3 công nghệ tiệt khuẩn: hơi nước, EO, Plasma VH_2O_2
- Nhiệt độ ủ: 37°C và 60°C
- Thời gian ủ và cho kết quả : Hơi nước: ≤ 20 phút; VH_2O_2 : ≤ 30 phút; EO: $\leq 4\text{h}$
- Tích hợp máy in nhiệt, cổng USB để lưu trữ dữ liệu và truy xuất nguồn gốc



Handwritten signature

	<p>11. Chỉ thị hoá học đa thông số :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị hoá học kiểm soát ≥ 3 thông số - Số mẻ và ngày hết hạn, mã QR được in trên mỗi que chỉ thị - Tiêu chuẩn: FDA, ISO 11140-1:2014; 13485: 2016; <p>12. Chỉ thị sinh học cho kết quả trong 20 phút:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: FDA; ISO: 13485: 2016; <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giao hàng: ≤ 120 ngày - Lắp đặt và hướng dẫn sử dụng tại bệnh viện - Bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị - Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng ≤ 48 giờ - Cam kết cung cấp vật tư, thiết bị những phần hay hư hỏng cần thay thế sửa chữa: ≥ 8 năm. 		
08	HỆ THỐNG CHUYÊN ĐỔI KỸ THUẬT SỐ X-QUANG (DR)	01	HT
	<p>I. YÊU CẦU CHUNG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2024 - Tình trạng thiết bị: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, EC hoặc FDA hoặc tương đương - Điện áp làm việc: 220V AC $\pm 10\%$; 50/60Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 35^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ <p>II. CẤU HÌNH BAO GỒM:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tấm nhận ảnh mặt phẳng: 02 bộ - Phần mềm thu nhận và xử lý hình ảnh chuyên dụng & key bản quyền: 02 bộ - Máy tính trạm đồng bộ: 02 bộ <p>III. YÊU CẦU CẤU HÌNH :</p> <p>1. Tấm nhận ảnh mặt phẳng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại: Tấm phẳng - Tấm nhận ảnh với lớp phát quang Cesium Iode (Csi) hoặc tương đương. - Kiểu cảm biến: a-Si TFT hoặc tốt hơn - Kích thước điểm ảnh: $\leq 140\mu\text{m}$ - Chuyển đổi AD: 16bit - Độ phân giải: $\geq (3.072 \times 3.072)$ pixel - Kích thước vùng nhận ảnh: $\geq 43 \times 43\text{cm}(17 \times 17\text{inch})$ - Loại kết nối: không dây hoặc có dây - Thời gian hiển thị ảnh với kết nối có dây: tổng cả xử lý ảnh ≤ 5 giây - Kích thước tấm: $\geq (460 \times 460 \times 15)$ mm 		

<p>- Độ phân giải không gian ≥ 3.5 lp/mm</p> <p>2. Phần mềm thu nhận và xử lý hình ảnh chuyên dụng (Đĩa cài & Key bản quyền):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể nhận danh sách bệnh nhân và các thăm khám từ mạng bệnh viện như mạng HIS hoặc RIS và nhập bằng tay - Có thể quản lý dữ liệu ảnh và các thăm khám của bệnh nhân. - Có thể lựa chọn cấu hình chương trình phù hợp thăm khám. - Có thể hiển thị bộ đánh dấu ảnh: trái/phải, trước/sau... - Có chức năng xử lý ảnh: xoay, gương, phóng đại, cửa sổ, lọc và đường ghi chú. - In phim tự động hoặc bằng tay. - Có xuất hình ảnh ra CD - Các chức năng DICOM + Gửi ảnh vào mạng DICOM. + In ảnh chụp vào máy in DICOM. <p>3. Máy tính trạm đồng bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CPU: Intel Core \geq i5 - RAM: \geq 08 GB - Ổ cứng: Có dung lượng \geq 1000 GB - Ổ đĩa: DVD - Card đồ họa: VGA onboard - Phần mềm Windows bản quyền cài sẵn - Phụ kiện: Bàn phím, chuột - Màn hình màu: Công nghệ: LED hoặc tương đương; Kích thước: \geq 23 inch. <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giao hàng: \leq 120 ngày - Lắp đặt và hướng dẫn sử dụng tại bệnh viện - Bảo hành \geq 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị - Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của người sử dụng \leq 48 giờ - Cam kết cung cấp vật tư, thiết bị những phần hay hư hỏng cần thay thế sửa chữa: \geq 8 năm. 		
--	--	--

Ghi chú:

Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế các nhà cung cấp. Bất kỳ ký hiệu, nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa (nếu có) nêu trong phụ lục 1 chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về tính năng kỹ thuật, các tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa; Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể chào hàng hóa của hãng có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ. Trong trường hợp này, nhà cung cấp phải giải trình, chứng minh mặt hàng chào giá có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu thông báo chào giá của đơn vị.



**Phụ lục 2****Mẫu báo giá**

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế
(Đính kèm Thông báo số 153/TB-BV ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	<i>Thiết bị y tế A</i>	<i>TB1</i>	<i>123</i>	<i>2024</i>	<i>Việt Nam</i>	<i>01</i>	<i>5.000</i>	<i>200 (nếu không có ghi số "0")</i>	<i>250</i>	<i>5.450</i>

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày],

3. Chúng tôi cam kết:

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.



Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
 nhà cung cấp⁽¹²⁾**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

